

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam và Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị quyết) và Chương trình hành động số 33-CTr/TW của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam (sau đây viết tắt là Chương trình hành động), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tạo sự thống nhất cao về nhận thức, chuyển biến mạnh mẽ trong hành động của cả hệ thống chính trị và xã hội về đổi mới mô hình phát triển của tỉnh.
2. Nêu cao trách nhiệm, quyết tâm chính trị của các cấp uỷ, tổ chức đảng, khẩn trương cụ thể hoá nội dung Nghị quyết, Chương trình hành động thành Kế hoạch thực hiện cụ thể; phân công rõ trách nhiệm, rõ nguồn lực, tiến độ, sản phẩm đầu ra và các điều kiện cần thiết để thực hiện; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện làm căn cứ quan trọng để các cấp, các ngành thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết, Chương trình hành động đề ra.

II. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT, CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

1. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ UBND tỉnh, các cơ quan liên quan hướng dẫn các cấp uỷ, tổ chức đảng tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết và Chương trình hành động ở các cấp, các ngành; chỉ đạo các cơ quan báo chí, xuất bản, truyền thông tăng cường tuyên truyền nội dung và kết quả thực hiện Nghị quyết (hoàn thành trong tháng 9/2026 và chỉ đạo thực hiện thường xuyên).
2. Bí thư Đảng uỷ các cơ quan, đơn vị trực thuộc tỉnh và các xã, phường trên địa bàn tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo việc nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền và xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động (hoàn thành trong tháng 9/2026).

III. CHỈ TIÊU CỤ THỂ

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xác định 40 chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này để đánh giá kết quả đổi mới mô hình phát triển của tỉnh đến năm 2030, năm 2035 và năm 2045.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng chỉ đạo cụ thể hoá các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực cụ thể và thể hiện trong chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, bảo đảm thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

1. Chương trình, kế hoạch thực hiện cần cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ định hướng thành chỉ tiêu, thứ tự ưu tiên, tiến độ, thời gian thực hiện, phân bổ nguồn lực, sản phẩm đầu ra, gắn với trách nhiệm người đứng đầu và cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu đề ra, trong đó:

a) Giai đoạn đến năm 2030: Tập trung hoàn thành các nền tảng quan trọng cho mô hình phát triển mới của tỉnh

- Xây dựng môi trường thể chế kiến tạo phát triển, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng quản trị địa phương: Tập trung đổi mới tư duy, phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành theo hướng kiến tạo phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, lấy hiệu quả thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội làm thước đo. Rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế, chính sách của tỉnh, nhất là các lĩnh vực quy hoạch, đất đai, đầu tư, xây dựng, giải phóng mặt bằng, phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đô thị, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế biển và bảo vệ môi trường; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế, thủ tục hành chính. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực, kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình; nâng cao tính công khai, minh bạch, khả năng dự báo của chính sách và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), Chỉ số chuyển đổi số (DTI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) đến năm 2030 của tỉnh thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu.

- Hoàn thiện từng bước hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, khu công nghiệp, hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu và các hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển: Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để

phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng, ưu tiên các công trình có tính kết nối vùng, liên vùng, tạo động lực và lan tỏa phát triển. Tập trung đầu tư các công trình giao thông chiến lược theo Quy hoạch tỉnh, nhất là 03 tuyến trục dọc kết nối khu vực ven biển phía Nam tỉnh với khu vực trung tâm phía Bắc và Thủ đô Hà Nội; xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các tuyến đường trục ngang, tuyến đường cao tốc kết nối với các tỉnh, thành phố lân cận như: Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (CT.04); cao tốc Vành đai 4 (CT.38); cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ (CT.14); cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08); vành đai 5 (CT.39); tuyến Thái Bình - Hưng Yên (CT.16); tuyến đường bộ ven biển;... và các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, các tuyến kết nối các khu công nghiệp, đô thị, trung tâm logistics và khu vực ven biển. Phát triển hệ thống đô thị theo hướng đa cực, đa trung tâm, xanh, sinh thái, thông minh. Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng tập trung, hiện đại, sinh thái và thông minh; hoàn thiện hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và khả năng liên kết chuỗi giá trị. Đồng thời, ưu tiên phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, năng lượng và các hạ tầng thiết yếu khác.

- Phát triển hạ tầng dữ liệu, nâng cao năng lực tri thức và đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số: Xác định dữ liệu, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là những động lực quan trọng của mô hình phát triển mới. Tập trung xây dựng hạ tầng số và hạ tầng dữ liệu thống nhất, liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác hiệu quả; hoàn thiện các cơ sở dữ liệu về quy hoạch, đất đai, đầu tư, tài chính - ngân sách, doanh nghiệp, dân cư, đô thị, môi trường, nông nghiệp và các lĩnh vực thiết yếu. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật và các công nghệ mới trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội. Phát triển các nền tảng số phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; chuyển mạnh từ quản lý dựa trên hồ sơ sang quản trị dựa trên dữ liệu.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, nhân lực khoa học, công nghệ, quản trị và các ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh: Xây dựng và triển khai chương trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với yêu cầu chuyển đổi mô hình phát triển và định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Ưu tiên đào tạo nhân lực trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, điện tử, tự động hóa, cơ khí chính xác, công nghiệp hỗ trợ, logistics, kinh tế biển, năng lượng, tài chính, y tế, giáo dục và quản trị doanh nghiệp. Tăng cường liên kết giữa Nhà nước, cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu và doanh nghiệp; khuyến khích doanh nghiệp tham gia đặt hàng đào tạo và nghiên cứu. Thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực quản trị và nhân lực công nghệ cao.

- Hình thành và phát triển các doanh nghiệp có năng lực dẫn dắt, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị: Tạo

lập môi trường thuận lợi để doanh nghiệp phát triển, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực quản trị và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế. Chuyển trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp từ hỗ trợ theo chiều rộng sang nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ và mở rộng thị trường. Khuyến khích hình thành các doanh nghiệp dẫn dắt, doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong tỉnh, thúc đẩy chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực.

- Tạo nền tảng chuyển dịch sang mô hình kinh tế hiệu quả cao, sáng tạo, xanh, tự chủ, bao trùm và hội nhập: Tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh; phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, điện tử, bán dẫn, cơ khí chính xác, tự động hóa, công nghệ số; phát triển dịch vụ chất lượng cao, logistics, thương mại, tài chính, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái và kinh tế biển. Phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, năng lượng; nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế đồng thời chủ động hội nhập quốc tế. Từng bước hình thành, phát triển Khu kinh tế tự do gắn công nghiệp công nghệ cao với logistics, cảng biển, năng lượng, đô thị, dịch vụ và hạ tầng dữ liệu.

b) Giai đoạn đến năm 2035: tập trung hoàn thành cơ bản quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững và hội nhập

- Kinh tế phát triển theo hướng hiệu quả cao, đổi mới sáng tạo, xanh, tự chủ và hội nhập: Trên cơ sở các nền tảng được hình thành đến năm 2030, tập trung vận hành đồng bộ mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu, nguồn nhân lực chất lượng cao và năng suất lao động làm động lực chủ yếu. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng các ngành có giá trị gia tăng cao; phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, điện tử, bán dẫn, tự động hóa, công nghệ số; phát triển logistics, dịch vụ hiện đại, nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và kinh tế biển. Hoàn thiện hệ sinh thái Khu kinh tế tự do Hưng Yên, các khu công nghiệp sinh thái, thông minh; tăng cường liên kết doanh nghiệp trong nước với các tập đoàn, doanh nghiệp FDI.

- Xây dựng mô hình phát triển xã hội hiện đại, toàn diện, bao trùm và bền vững: Bảo đảm phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống Nhân dân. Hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, đào tạo nghề, việc làm và nhà ở xã hội; bảo đảm người dân được tiếp cận bình đẳng với các dịch vụ cơ bản. Chú trọng nâng cao chất lượng dân số, tuổi thọ và số năm sống khỏe; duy trì bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân 100%; thực hiện hiệu quả chính sách giảm nghèo đa chiều, bảo đảm bình đẳng giới và cơ hội phát triển cho mọi người dân.

- Phát triển văn hóa, con người tỉnh theo hướng toàn diện, hiện đại, sáng tạo,

giàu bản sắc và nhân văn: Xây dựng con người Hưng Yên phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo và trách nhiệm xã hội; phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử và truyền thống của vùng đất Hưng Yên, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Gắn bảo tồn, phát huy di sản với phát triển du lịch và công nghiệp văn hóa; xây dựng các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, lễ hội đặc sắc có khả năng tạo dựng thương hiệu trong nước và quốc tế.

- Xây dựng môi trường sinh thái hiện đại, thông minh, bền vững và thích ứng: Chuyển mạnh sang mô hình phát triển xanh, tuần hoàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và năng lượng; kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề và khu dân cư. Phát triển khu công nghiệp sinh thái, sản xuất sạch hơn, năng lượng tái tạo và giao thông xanh; tăng cường quản lý tài nguyên nước, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên, nhất là hệ sinh thái đất ngập nước và ven biển. Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, chống ngập úng và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng dữ liệu, công nghệ số và AI trong dự báo, cảnh báo và quản lý thiên tai.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững chắc, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới: Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm yêu cầu quốc phòng, an ninh được tích hợp trong quy hoạch và các chương trình, dự án phát triển. Chủ động bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh mạng và an ninh dữ liệu; bảo vệ các công trình, hệ thống hạ tầng và cơ sở dữ liệu quan trọng. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng số, lực lượng vũ trang từng bước thông minh, hiện đại; nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và xử lý các nguy cơ an ninh truyền thống và phi truyền thống.

- Đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế theo hướng chủ động, toàn diện, hiệu quả, kiến tạo phát triển: Đổi mới công tác đối ngoại, xúc tiến đầu tư, thương mại, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; chủ động kết nối với các trung tâm kinh tế, tài chính, khoa học - công nghệ và các tập đoàn hàng đầu thế giới. Chuyển mạnh từ thu hút đầu tư theo số lượng sang thu hút đầu tư có chọn lọc, ưu tiên các dự án công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, có khả năng chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực và liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh.

- Hoàn thiện mô hình quản trị tỉnh dân chủ, hiện đại, thông minh, minh bạch, hiệu lực và hiệu quả: Hoàn thiện chính quyền số và quản trị số; chuyển căn bản sang mô hình điều hành dựa trên dữ liệu, tăng cường năng lực phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định. Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu dùng chung, kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; mở rộng cung cấp dịch vụ công số và các dịch vụ đô thị thông minh.

c) Giai đoạn đến năm 2045: Xây dựng tỉnh Hưng Yên trở thành một bộ phận năng động trong mô hình phát triển Việt Nam tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững

và hội nhập, bảo đảm sự vận hành đồng bộ, hài hòa, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và quản trị địa phương

- Nền kinh tế phát triển chủ yếu dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu, nguồn nhân lực chất lượng cao và năng suất lao động; hình thành các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp thông minh, dịch vụ hiện đại, logistics đa phương thức, kinh tế biển, nông nghiệp công nghệ cao và kinh tế số có sức cạnh tranh trong nước và quốc tế.

- Tiếp tục hoàn thiện không gian phát triển đô thị hiện đại, xanh, sinh thái và thông minh; hình thành mạng lưới đô thị đa cực, đa trung tâm, kết nối hiệu quả với các hành lang kinh tế, các trung tâm công nghiệp, logistics, dịch vụ và không gian kinh tế biển.

- Hoàn thiện hệ sinh thái Khu kinh tế tự do và các không gian kinh tế động lực; phát triển các ngành công nghệ chuyên sâu, trung tâm nghiên cứu và phát triển, thiết kế và sản xuất vi mạch, bán dẫn, công nghệ y tế, tự động hóa, AI và các ngành kinh tế mới. Hình thành các chuỗi giá trị có khả năng kết nối sâu với khu vực và quốc tế; nâng cao vai trò của doanh nghiệp tỉnh trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Xây dựng tỉnh trở thành trung tâm công nghiệp, logistics, thương mại, dịch vụ và kinh tế biển hiện đại của vùng Đồng bằng sông Hồng; phát huy hiệu quả hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, cảng biển và các trung tâm logistics; hình thành mạng lưới vận tải đa phương thức có tính cạnh tranh cao.

- Xây dựng tỉnh Hưng Yên hiện đại, nhân văn, bao trùm; người dân được thụ hưởng đầy đủ thành quả phát triển; chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa và đời sống tinh thần thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; nền văn hóa phát triển hiện đại giàu bản sắc; phát triển mạnh công nghiệp văn hóa và các sản phẩm văn hóa, du lịch có thương hiệu quốc gia và quốc tế.

- Hoàn thiện nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và phát triển bền vững; sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng và đất đai; kiểm soát chặt chẽ phát thải; nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Từng bước thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050; ứng dụng rộng rãi AI và các công nghệ tiên tiến trong quản lý môi trường, đô thị, giao thông và phòng chống thiên tai.

- Tiếp tục củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; hình thành nền quốc phòng số, lực lượng vũ trang thông minh; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước và an ninh kinh tế; chủ động ứng phó với các nguy cơ an ninh truyền thống và phi truyền thống.

- Đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện, chủ động và hiệu quả; tỉnh Hưng Yên trở thành địa phương có môi trường đầu tư, kinh doanh hấp dẫn, có khả năng thu hút

các tập đoàn công nghệ, công nghiệp và dịch vụ hàng đầu thế giới; hình thành mạng lưới hợp tác quốc tế sâu rộng về đầu tư, thương mại, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và đào tạo nhân lực.

- Hoàn thiện mô hình quản trị tinh dân chủ, hiện đại, thông minh, minh bạch, hiệu lực và hiệu quả; lấy dữ liệu làm nền tảng của quản trị, lấy công nghệ làm công cụ nâng cao chất lượng điều hành và lấy sự hài lòng, mức sống và hạnh phúc của người dân làm thước đo quan trọng của phát triển.

2. Khẩn trương ban hành các cơ chế, chính sách, kế hoạch, đề án, dự án,... để thể chế hoá Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình hành động của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 217/NQ-CP ngày 06/8/2026 của Chính phủ và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trên các lĩnh vực; đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện; kịp thời phát hiện, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình mới, cách làm hay, hiệu quả cao; chấn chỉnh những nơi tổ chức thực hiện chưa tốt.

3. Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình hành động của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 217/NQ-CP ngày 06/8/2026 của Chính phủ và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I và các nghị quyết chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và xây dựng, chỉnh đốn Đảng; tăng cường đoàn kết, phát huy dân chủ, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, quyết tâm thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết.

V. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Đảng ủy HĐND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

- Chủ trì lãnh đạo, chỉ đạo quyết định các vấn đề quan trọng nhằm đổi mới mô hình phát triển của tỉnh trong Quy hoạch tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm, các dự án, công trình quan trọng của tỉnh (hoàn thành theo chương trình công tác hằng năm và theo giai đoạn).

- Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật nhằm đổi mới mô hình phát triển của tỉnh (chỉ đạo triển khai thường xuyên).

2. Đảng ủy UBND tỉnh

- Chỉ đạo xây dựng, ban hành kế hoạch, chương trình hành động của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chương trình hành động của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 217/NQ-CP ngày 06/8/2026 của Chính phủ và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoàn thành trong tháng 10/2026).

- Lãnh đạo UBND tỉnh tổ chức xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành

cơ chế, chính sách; tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nhằm đổi mới mô hình phát triển của tỉnh (hoàn thành trong giai đoạn 2026 - 2028).

- Lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo bố trí nguồn lực tương ứng để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Nghị quyết, Chương trình hành động và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (thực hiện thường xuyên).

3. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy: Chủ trì tham mưu, chỉ đạo và định hướng công tác thông tin, tuyên truyền việc thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể tỉnh

- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực thực hiện và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoàn thành trong tháng 9/2026 và thực hiện thường xuyên).

- Tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện pháp luật nhằm đổi mới mô hình phát triển của tỉnh.

5. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết, Chương trình hành động và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trọng tâm là thống nhất nhận thức về mô hình phát triển của tỉnh đến năm 2045; đổi mới về thể chế và hoàn thiện hệ thống chính trị; đổi mới về phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, con người, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- Chủ động ban hành hoặc lồng ghép, hợp nhất các kế hoạch, chương trình hành động thực hiện các mục tiêu phát triển thành một kế hoạch, chương trình hành động để triển khai thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động và Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Phối hợp xây dựng, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, dự án nhằm đổi mới mô hình phát triển của tỉnh.

6. Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy

- Xây dựng, ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động, Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (hoàn thành trong tháng 9/2026).

- Tập trung chỉ đạo khắc phục những hạn chế, tồn tại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện đổi mới mô hình phát triển của tỉnh (thực hiện thường xuyên).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2. Các cấp ủy đảng trực thuộc Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền và thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động và Kế hoạch của Ban

Thường vụ Tỉnh ủy tại cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách.

3. Đảng ủy UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, Chương trình hành động và Kế hoạch này của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để chỉ đạo những vấn đề phát sinh.

Nơi nhận:

- VPTW Đảng, Ban TGDVTV, Ban CSCLTW (để b/c);
- Vụ ĐP1 VPTW Đảng, Vụ ĐB3 UBKTTW;
- Các Ban Đảng tỉnh;
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, MTTQ & các TCCTXH tỉnh;
- Các ĐU trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các đ/c Tỉnh ủy viên;
- VPTU: CVP, PCVPTM, TKBTTU;
- Lưu VPTU, Phòng TH^{Nh}_{PTK211}.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Ký bởi: Tỉnh ủy Hưng Yên
Thời gian ký: 27/09/2026 15:00

Trần Quốc Toàn



Ký bởi: Tỉnh ủy Hưng Yên

Thời gian ký: 27/09/2026 15:06:32

**TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA TỈNH
ĐẾN NĂM 2030, NĂM 2035 VÀ NĂM 2045**

(Kèm theo Kế hoạch số 115 -KH/TU ngày 27 / 9 /2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 – 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
I	Nhóm chỉ tiêu về thể chế, quản trị quốc gia và hoàn thiện hệ thống chính trị			
1.	Chỉ số đánh giá chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu
2.	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu
3.	Chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu
4.	Tỉ lệ các sở, ngành, đơn vị, địa phương sử dụng nền tảng số phục vụ điều hành theo mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% các sở, ngành, đơn vị, địa phương sử dụng nền tảng số phục vụ điều hành theo mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% sở, ngành, đơn vị, địa phương đạt cấp độ 4 và 90% đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Khoảng 95% sở, ngành, đơn vị, địa phương đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu
II	Nhóm chỉ tiêu về kinh tế			
5.	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	10-11, phấn đấu từ 11 trở lên	≥10,0	≥10,0
6.	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành, đến cuối kỳ) (VNĐ)	Trên 180 triệu đồng và phấn đấu tiệm cận mức GDP bình quân đầu người cả nước	≥ mức GDP bình quân đầu người cả nước	≥ mức GDP bình quân đầu người cả nước
7.	Tỉ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP (%)	>55	>55	>55

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 – 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
8.	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	>10	>8	>7,5
9.	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP (đến cuối kỳ) (%)	30	≥35	≥40
10.	Tốc độ tăng trưởng thị trường trung tâm dữ liệu bình quân/năm (%)	>12	>10	>8
11.	Xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) (đến cuối kỳ)	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu
12.	Tốc độ tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế trung bình/năm	16-18	10-12	10
13.	Doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh vươn ra toàn cầu	Phấn đấu tối thiểu có 01 doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh có doanh thu từ thị trường nước ngoài đạt 20 triệu USD/năm	Có tối thiểu 01 doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh ngang tầm các nước tiên tiến	Có tối thiểu 01 doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh ngang tầm các nước tiên tiến
14.	Kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển so với GRDP, trong đó tỉ trọng kinh phí từ xã hội (đến cuối kỳ) (%)	3; >60	3; 65 - 70	3 - 3,5; 70 - 80
15.	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (đến cuối kỳ) (%)	≥40	45-50	≥55
16.	Tỉ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá (đến cuối kỳ) (%)	≥50	50-55	55-60
17.	Phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) (đến cuối kỳ)	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 – 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
18.	Phát triển đô thị	Toàn tỉnh Hưng Yên là đô thị loại I, phát triển trở thành thành phố trực thuộc trung ương; hệ thống đô thị thuộc tỉnh gồm 18 đô thị: 04 đô thị loại II và 14 đô thị loại III. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt tối thiểu 55%	Toàn tỉnh Hưng Yên là đô thị loại I, thành phố trực thuộc trung ương; hệ thống đô thị thuộc tỉnh gồm: Tối thiểu 04 đô thị loại II; còn lại là đô thị loại III. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt tối thiểu 60%	Toàn tỉnh Hưng Yên là đô thị loại I, thành phố trực thuộc trung ương; hệ thống đô thị thuộc tỉnh gồm: Tối thiểu 04 đô thị loại II; còn lại là đô thị loại II. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đạt tối thiểu 65%
III Nhóm chỉ tiêu về xã hội				
19.	Phát triển dân số (đến cuối kỳ)	Dân số toàn tỉnh khoảng 3,5 triệu người	Tốc độ tăng bình quân đạt 1,9%/năm	Tốc độ tăng bình quân đạt 1,9%/năm
20.	Số người hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (đến cuối kỳ)	>12 người trên 1 vạn dân	>25 người trên 1 vạn dân	>50 người trên 1 vạn dân
21.	Tỉ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ (STEM)	>35% tổng số sinh viên	>40% tổng số sinh viên	>40-45% tổng số sinh viên
22.	Phát triển nhân lực số	-Có ít nhất 300 chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu, trong đó 20% đạt trình độ quốc tế; -Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt trên 2.500 người/năm, trong đó ít nhất 10% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ; -Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo đạt trên 250 người/năm, trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ.	-Có ít nhất 600 chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu, trong đó 30% đạt trình độ quốc tế; -Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt trên 3.000 người/năm, trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ; -Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo đạt tối thiểu 300 người/năm, trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ.	-Có ít nhất 900 chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu, trong đó 30% đạt trình độ quốc tế; -Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt trên 3.600 người/năm, trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ; -Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo đạt tối thiểu 600 người/năm, trong đó ít nhất 20% được cấp bằng kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ.

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 – 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
23.	Số lượng cơ sở giáo dục chất lượng cao/đạt chuẩn quốc gia	Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục đại học và ít nhất 80% cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia	Phấn đấu 100% cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia	Có 100% cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn quốc gia
24.	Tỉ lệ tham gia hệ thống an sinh xã hội (đến cuối kỳ)	Đạt 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế	Duy trì bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, đạt 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế	Duy trì bảo hiểm y tế toàn dân, đạt 100% dân số tham gia bảo hiểm y tế
25.	Chỉ số tuổi thọ trung bình, trong đó số năm sống khoẻ (cuối kỳ)	Tuổi thọ trung bình 76,8 tuổi; số năm sống khoẻ tối thiểu 70 năm	Tuổi thọ trung bình 77,6 tuổi; số năm sống khoẻ tối thiểu 72 tuổi	Tuổi thọ trung bình trên 80 tuổi; số năm sống khoẻ tối thiểu trên 75 năm
26.	Chỉ số xếp hạng bình đẳng giới của tỉnh	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu
IV	Nhóm chỉ tiêu về văn hoá, con người			
27.	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,79	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu
28.	Xếp hạng Chỉ số hạnh phúc	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu
29.	Đóng góp của giá trị tăng thêm ngành công nghiệp văn hoá trong GRDP (đến cuối kỳ) (%)	>7,0	>8,0	>9,0
30.	Phát triển thương hiệu quốc gia các ngành công nghiệp văn hoá (đến cuối kỳ)	Xây dựng thành công tối thiểu 01 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hoá quốc gia về điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật	Xây dựng và duy trì tối thiểu 01 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hoá có uy tín quốc tế	Xây dựng thành công tối thiểu 02 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hoá có uy tín quốc tế
V	Nhóm chỉ tiêu về môi trường sinh thái			
31.	Tỉ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	15-35	>35	Phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050
32.	Tỉ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp (đến cuối kỳ)(%)	>25	>35	>65

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 – 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
33.	Tỉ lệ khu công nghiệp sinh thái được công nhận trong tổng số khu công nghiệp đang hoạt động (đến cuối kỳ) (%)	>10	>13	>20
34.	Mức độ vận hành thương mại thị trường cacbon	Tỉnh hoàn thiện các điều kiện cần thiết để tham gia thị trường cacbon	100% cơ sở phát thải lớn trên địa bàn tỉnh tham gia thị trường cacbon trong nước.	100% cơ sở phát thải lớn trên địa bàn tỉnh tham gia thị trường cacbon trong nước; liên thông công nghệ và kỹ thuật giao dịch với thị trường cacbon quốc tế
35.	Phòng, chống và thích ứng với biến đổi khí hậu (đến cuối kỳ)	>70% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn Hoàn thành di dời 80% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn Xử lý cơ bản tình trạng ngập úng tại các đô thị lớn	> 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn Hoàn thành di dời 85 - 90% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn Kiểm soát tình trạng ngập úng tại các đô thị lớn	100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn Hoàn thành di dời 95 - 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn 100% đô thị lớn ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý tình trạng ngập úng
VI	Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh			
36.	Hình thành nền quốc phòng số, lực lượng vũ trang thông minh; công nghiệp quốc phòng tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại	Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ an ninh địa phương	Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ an ninh địa phương	Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ an ninh địa phương
37.	Xếp hạng về Chỉ số an ninh mạng toàn cầu (GCI)	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu	Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương dẫn đầu
38.	Phát triển công nghiệp an ninh mạng	Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp an ninh mạng đạt bình quân trên 25%/năm	Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp an ninh mạng đạt bình quân khoảng 20%/năm	Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp an ninh mạng đạt bình quân khoảng 15%/năm
39.	Phát triển công nghiệp an ninh tự chủ, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại	Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ an ninh địa phương	Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ an ninh địa phương	Đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ an ninh địa phương

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 – 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
VII	Nhóm chỉ tiêu về đối ngoại và hội nhập quốc tế			
40.	Thu hút các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới (đến cuối kỳ)	Thu hút tối thiểu 1 tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới cam kết đầu tư trên địa bàn tỉnh	Tối thiểu có 1 tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	Tối thiểu có 1 tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới hoàn thành dự án đầu tư, đưa vào hoạt động.